

Bản án số: 131/2018/DS-PT

Ngày: 04 - 7 - 2018

V/v: “Tranh chấp thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà

Ông Nguyễn Văn Sơn

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 139/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1964,

Cư trú: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L là ông Trần Ngọc A, sinh năm 1949 – Có mặt.

Cư trú: Ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1972,

Cư trú: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1953;

Cư trú: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H là ông Trần Ngọc A, sinh năm 1949 – Có mặt.

Cư trú: Ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1927. Đại diện theo ủy quyền của cụ D là bà Trần Thị S, sinh năm 1972;

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957;

4. Bà Trần Thị K, sinh năm 1956;

5. Bà Trần Thị G, sinh năm 1965;

6. Bà Trần Thị M, sinh năm 1963,

Cùng trú tại Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn: Ông Trần Văn L trình bày: Cụ Trần Văn G, sinh năm 1928 (chết năm 2012) và cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1927 tạo dựng được tài sản gồm: 01 căn nhà sàn bằng gỗ thao lao, ngang kể cả thông hành là 7m, dài kể cả nhà sau là 20m, lợp ngói và phần đất thổ cư ngang 10m, dài 90m; 5100 m² đất lúa 3 vụ; tất cả tọa lạc tại ấp Long Quới 2, xã B, huyện C, An Giang. Hai cụ có 8 người con gồm: Ông Trần Văn H, sinh năm 1953; Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; Bà Trần Thị K, sinh năm 1956; Bà Trần Thị G, sinh năm 1965; Bà Trần Thị M, sinh năm 1963; Ông Trần Văn L, sinh năm 1964; Bà Trần Thị S, sinh năm 1972; ông Trần Văn F (không rõ năm sinh, bệnh tâm thần chết ngày 27.11.2015, không có vợ, con).

Cụ G chết năm 2012, trước khi chết ngày 18.6.2007 hai cụ có đến Ủy ban nhân dân xã B lập di chúc, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, nội dung di chúc thể hiện:

1. Trần Văn H, đã có vợ được cho 04 cây vàng 24k và cất nhà riêng tại ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Trần Thị K, đã có chồng, có nhà riêng ngụ ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Trần Thị H đã có chồng, có nhà riêng ngụ tại xã S, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Trần Văn X, độc thân, bệnh tâm thần, sống chung gia đình (Nay đã chết).

5. Trần Thị M đã có chồng, có nhà riêng ngụ ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Trần Văn L, đã có vợ và được cho một miếng đất thổ cư để cất nhà riêng tại ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

7. Trần Thị G có chồng và được cho một miếng đất thổ cư để cất nhà riêng tại ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Trần Thị S, đã có chồng, sống chung cha mẹ tại nhà được thừa hưởng và trọn quyền quyết định 01 căn nhà sàn bằng gỗ thao lao, ngang kể cả thông hành là 7m, dài kể cả nhà sau là 20m, lợp ngói và phần đất thổ cư ngang 10m, dài 90m; 5100 m² đất lúa 3 vụ để hai cụ thu huê lợi hưởng già, sau khi mãn phần sẽ làm hương hỏa để lại cho Trần Thị S tiếp tục chăm lo canh tác tạo hoa lợi thờ cúng ông bà cha mẹ và tu bổ nhà cửa.

Theo nội dung tờ di chúc ông L đã nhận một miếng đất thổ cư nhưng ông cất nhà và cho con ông. Nay ông Trần Văn L yêu cầu hủy tờ di chúc hai cụ lập ngày 20.6.2006, ông yêu cầu chia thừa kế phần tài sản bà Trần Thị S đang giữ, ông là con trai nên yêu cầu được ở trong căn nhà và giao trả tiền cho các thừa kế khác theo giá Hội đồng định giá đã định.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện ông L còn yêu cầu chia đất rẫy ngang 10m x dài 150m tọa lạc tại ấp Long Quới 2, xã B, huyện C, An Giang do bà Trần Thị S và ông Phạm Văn Y đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00957/CB diện tích 1096 m². Ngày 25.3.2017 ông L rút yêu cầu đối với phần đất này.

+ Bị đơn: Bà Trần Thị S, trình bày: Bà là con gái sống chung nuôi dưỡng cha mẹ, khi có chồng vẫn sống chung chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, di chúc cha mẹ bà lập ngày 20.6.2006 là do ý chí của cha mẹ, bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông L.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cụ Nguyễn Thị D, trình bày: Hai cụ có 8 người con, chết một người như ông L trình bày. Tài sản tạo dựng được đã chia cho các con như trong tờ di chúc lập, đây là ý chí của hai cụ. Phần còn lại của con gái út Trần Thị S, cụ không đồng ý cho L sống trong nhà vì không hiếu thảo, không chăm sóc cụ, nay cụ ông đã chết, cụ vẫn giữ y tờ di chúc đã lập, do già yếu nên cụ ủy quyền lại cho S.

Bà Trần Thị H, bà Trần Thị K, bà Trần Thị G, bà Trần Thị M, trình bày: Chúng tôi đều là con cụ G và cụ D, cha mẹ lập tờ di chúc phân chia chúng tôi không có yêu cầu gì khác. Em gái chúng tôi là S nuôi dưỡng chăm sóc, hiếu thảo với cha mẹ căn nhà trên cha mẹ tôi giao cho S là phù hợp.

Ông Trần Văn H, trình bày: Cha mẹ ông là cụ G và cụ D, tờ di chúc hai cụ lập ngày 20.6.2006 trong đó ông đã nhận 4 cây vàng 24k như trong di chúc. Nay ông yêu cầu hủy tờ di chúc và chia thừa kế phần tài sản Trần Thị S đang giữ cho ông. Ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, ông Trần Văn H về việc hủy tờ di chúc ngày 20.6.2006 của cụ Trần Văn G, cụ Nguyễn Thị D và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn L và ông Trần Văn H.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Cùng ngày 10/01/2018, ông Trần Văn L và ông Trần Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy tờ di chúc ngày 20/6/2006 của bà Nguyễn Thị Duyên và ông Trần Văn G. Yêu cầu chia thừa kế của cha là ông Trần Văn G cho hàng thừa kế thứ nhất bằng nhau và xin nhận di sản của cha bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn H, trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L và Trần Văn H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 139/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn ông Trần Văn L với bị đơn bà Trần Thị Suốt theo bản án số 139/2017/DS-ST. Đến ngày 10/01/2018, nguyên đơn ông Trần Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn L và ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu hủy tờ di chúc ngày 20.6.2006 của cụ Trần Văn G, cụ Nguyễn Thị D và yêu cầu chia thừa kế của cụ G cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ G bằng nhau và ông L xin nhận di sản bằng hiện vật. Sau khi án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và ông H; ông L và ông H kháng cáo.

Hội đồng xét xử xét:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự Trần Thị Mập, Trần Thị Sáng, Trần Thị Suốt và Trần Thị Chùm đều thống nhất trình bày tờ di chúc ngày 20/6/2006 là do cha mẹ (02 cụ Trần Văn G và Nguyễn Thị D) lập ra, được Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện C xác nhận ngày 18/6/2007; cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang thì cụ Nguyễn Thị D cũng khai nhận việc lập tờ di chúc trên. Mặc dù trong di chúc có sự sai lệch về tên của người lập di chúc như: “Nguyễn Thị Duyên – sinh năm 1928” so với “Nguyễn Thị D – sinh năm 1927” và “Trần Văn G – sinh năm 1928” so với “Trần Văn G – sinh năm 1925” nhưng nội dung cơ bản của di chúc trên không trái với quy định tại Điều 653, Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005; không có chứng cứ xác định có sự lừa dối, cưỡng ép, đe dọa đồng thời được Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện C xác nhận ngày 18/6/2007. Do đó di chúc do 02 cụ Trần Văn G và Nguyễn Thị D lập ngày 20/6/2006 là hợp pháp nên Tòa án nhân dân huyện C bác yêu cầu của ông Trần Văn L và Trần Văn H về việc yêu cầu hủy di chúc trên là có căn cứ.

[2.2] Do di chúc của vợ chồng cụ Trần Văn G và Nguyễn Thị D lập năm 2006, đồng thời cụ G mất năm 2012 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp. Tại Điều 668 Bộ luật Dân sự 2005 quy định:

“Điều 668. Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng

Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết.”. Hiện tại cụ D còn sống nên di chúc chung của vợ chồng cụ G và cụ D chưa phát sinh hiệu lực. Do đó Tòa án nhân dân huyện C bác yêu cầu chia di sản thừa kế của các đương sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bà mà nghĩ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với việc nguyên đơn cho rằng bản án không ghi đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy tại Biên bản phiên tòa thể hiện có đại diện Viện kiểm sát tham gia nhưng bản án phát hành không nêu, đây là lỗi kỹ thuật đánh máy, in ấn nên Tòa án cấp sơ thẩm có Văn bản đính chính bản án kịp thời để gửi cho người tham gia tố tụng và các cơ quan có liên quan khác. Đây không phải là vi phạm thủ tục tố tụng nhưng cấp Sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để tránh thiếu sót tương tự.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L và ông Trần Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 139/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ các Điều 648, 650, 663, 668 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 157, 158, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26; Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, ông Trần Văn H về việc hủy tờ di chúc ngày 20.6.2006 của cụ Trần Văn G, cụ Nguyễn Thị D và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn L và ông Trần Văn H.

2. Về lệ phí định giá, do đặc 2.646.900đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm đồng) ông Trần Văn L phải chịu. Ông L đã nộp đủ chi phí này.

3. **Về án phí:** Ông Trần Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 2.500.000đồng theo Biên lai thu số 0004580 ngày 13.10.2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Ông L được nhận lại 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn H được miễn tiền án phí.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0019094 ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn phòng;
- Tòa dân sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Ngọc Linh